

MỤC 1: Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên thương mại : CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)
Mã sản phẩm : 05-8405-01 / 05-8411-01

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Hóa chất phòng thí nghiệm

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất/nhà cung cấp

Sysmex Partec GmbH
Arndtstraße 11 a-b
02826 Görlitz
Germany
T +49 3581 8746-0 - F +49 3581 8746-70
info@sysmex-partec.com

Địa chỉ e-mail của người chịu trách nhiệm có thẩm quyền về Phiếu
An toàn Hóa chất
sds@kft.de

Địa chỉ e-mail của người chịu trách nhiệm có thẩm quyền về Phiếu

An toàn Hóa chất

CÔNG TY TNHH SYSMEX VIỆT NAM
Tầng 8, Tòa nhà Centre Point
số 106, đường Nguyễn Văn Trỗi Phường 08
Quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : +84 (028) 3997 9400 (8AM to 5PM)

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại theo GHS

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Không phân loại

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Không ghi nhãn

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp chất

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

- Sơ cứu tổng quát
- Sơ cứu trong trường hợp hít phải
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải
- : Nếu có nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng kéo dài, cần phải thông báo ngay cho bác sĩ.
- : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
- : Rửa da lại với nhiều nước.
- : Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.
- : Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Hiện chưa có thông tin bổ sung

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

- Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị
- : Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

- Chất chữa cháy thích hợp
- Tác nhân tiêu hủy không tương ứng
- : Sử dụng phương tiện thích hợp cho việc dập hỏa hoạn gần kề. Nước phun. Bột khô. Bột. Cacbon đioxit.
- : Tia nước mạnh.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn
- : Có thể giải phóng khói độc. Oxit nitơ. Cacbon đioxit. Cacbon monoxit.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Biện pháp cấp cứu
- : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ
- : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Tránh thải ra môi trường.

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

- Quy trình làm sạch
- Các thông tin khác
- : Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút. Thu hồi (bằng cách quét hay xúc bằng xẻng) và cho vào bình chứa thích hợp chờ tiêu hủy.
- : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn
- Biện pháp vệ sinh
- : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.
- : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên.
- : Rửa tay sau mỗi lần thao tác

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Điều kiện lưu trữ
- : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.
- Hướng dẫn liên quan đến việc lưu trữ chung
- : Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

- Kiểm tra kỹ thuật theo quy định
- : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.

8.3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay:

Trong trường hợp có tiếp xúc lặp lại nhiều lần hoặc kéo dài, sử dụng găng tay. Cao su nitril. ISO 374-1. Việc lựa chọn găng tay phù hợp là một quyết định không chỉ tùy thuộc vào loại vật liệu mà còn tùy thuộc vào các đặc tính chất lượng khác, là những đặc tính mà trong đó có sự khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vui lòng tham khảo các hướng dẫn về tính thấm nước và thời gian thẩm thấu do nhà sản xuất cung cấp. Găng tay phải được thay sau mỗi lần sử dụng hoặc khi phát hiện bất kì hư hỏng, thủng dù rất nhỏ

Bảo vệ mắt:

Sử dụng mắt kính bảo hộ nếu khả năng tiếp xúc với mắt do tia bắn là có thể xảy ra. ISO 16321-1

Bảo vệ da và cơ thể:

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp. EN 13034

Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp. Thiết bị thở có bộ lọc. A-P2. Phơi nhiễm không kéo dài. EN 143

- Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường
- : Tránh thải ra môi trường.

MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- Trạng thái vật lý
- : Chất lỏng
- Hình dạng
- : Không có thông tin
- Màu sắc
- : Chất lỏng không màu
- Mùi đặc trưng
- : Không có thông tin
- Ngưỡng mùi
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- pH
- : 7,35 – 7,45 (20°C)
- Điểm nóng chảy, Điểm đóng băng
- : Điểm nóng chảy: Không áp dụng được
- Điểm sôi
- : Không có thông tin
- Điểm cháy
- : Không có thông tin
- Nhiệt độ tự cháy
- : Không có thông tin
- Tính bất lửa (rắn, khí)
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Áp suất hóa hơi
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Tỷ lệ hóa hơi
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Giới hạn nổ
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Đặc tính nổ
- : Sản phẩm không gây nổ.
- Năng lượng tối thiểu gây cháy
- : Không có thông tin
- Độ hòa tan
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Mật độ
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Mật độ tương đối
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung
- Tính chất gây cháy
- : Không oxy hóa.

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

| | |
|---|--|
| Khả năng phản ứng | : Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường |
| Tính ổn định | : Ổn định trong điều kiện bình thường. |
| Phản ứng nguy hiểm | : Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường. |
| Các điều kiện cần tránh | : Hiện chưa có thông tin bổ sung |
| Vật liệu không tương thích | : Không có thông tin |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường. |

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

| | |
|--|---|
| Độc độc cấp tính (qua đường tiêu hóa) | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Độc độc cấp tính (qua da) | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Độc độc cấp tính (qua đường hô hấp) | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Ăn mòn/kích ứng da | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) pH: 7,35 – 7,45 (20°C) |
| Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Tác nhân nhạy hô hấp/ Tác nhân nhạy da | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Đột biến tế bào mầm | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Tác nhân gây ung thư | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Độc tính sinh sản | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |
| Nguy hại hô hấp | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng) |

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

| | |
|---|--|
| Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng). |
| Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) | : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng). |

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

| CD4% easy count kit (CD4 mAb PE) | |
|--|--------------------------------|
| Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy | Sản phẩm chưa được thử nghiệm. |

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

| CD4% easy count kit (CD4 mAb PE) | |
|----------------------------------|--------------------------------|
| Khả năng tích lũy sinh học | Hiện chưa có thông tin bổ sung |

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

12.4. Độ linh động trong đất

| CD4% easy count kit (CD4 mAb PE) | |
|----------------------------------|--------------------------------|
| Tính lưu động dưới đất | Hiện chưa có thông tin bổ sung |

12.5. Các tác hại khác

Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

Phương pháp xử lý chất thải : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp. Không vứt vào cống rãnh hay vào môi trường. Không tiêu hủy chung với các chất thải sinh hoạt.

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì : Tái chế hay tiêu hủy theo đúng quy định hiện hành.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

Phù hợp với IMDG / IATA / UN RTDG / VN TDG

| VN TDG | IMDG | IATA | UN RTDG |
|---|---------------------|---------------------|---------------------|
| 14.1 Số hiệu UN | | | |
| Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành. | | | |
| 14.2 Công ty vận chuyển | | | |
| Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định |
| 14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển | | | |
| Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định |
| 14.4 Phân nhóm đóng gói | | | |
| Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định |
| 14.5 Nguy cơ môi trường | | | |
| Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định | Không theo quy định |
| Không có thông tin bổ sung | | | |

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

VN TDG
Không theo quy định

UN RTDG
Không theo quy định

IMDG
Không theo quy định

IATA
Không theo quy định

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

| Luật hóa chất | | |
|--|---|--|
| Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp | Không chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |
| Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp | Chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |
| Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm | Không chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |
| Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất | Không chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |
| Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo | Chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |

| Danh Sách Hóa Chất (NCI) | | |
|--------------------------|---------------------------------------|--|
| Danh Sách Hóa Chất (NCI) | Chứa (các) chất được liệt kê danh mục | |

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

| | |
|--------------------------|---|
| Nguồn dữ liệu | : Thông tin do nhà sản xuất cung cấp/nNguồn: Cơ quan Hóa chất Châu Âu, http://echa.europa.eu/ |
| Công ty | : Sysmex Partec GmbH (02826 Görlitz) |
| Phiên bản | : 1.00 |
| Ngày phát hành | : 14/10/2024 |
| Ngày sửa đổi | : 14/10/2024 |
| Tên viết tắt và rút ngắn | : ADN - Hiệp định Châu âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển ADR - Hiệp định Châu âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ ATE - Đánh giá độc tính cao BCF - Chỉ số nồng độ sinh học Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói - Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008 DMEL - Liều dẫn xuất có tác dụng tối thiểu DNEL - Liều dẫn xuất không có tác dụng EC50 - Nồng độ trung bình gây ảnh hưởng IARC - Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư IATA - Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế IMDG - Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế LC50 - Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người) LD50 - Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người) LOAEL - Liều tối thiểu gây hại được ghi nhận NOAEC - Nồng độ không gây hại được ghi nhận NOAEL - Liều không gây hại được ghi nhận NOEC - Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế PBT - Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc PNEC - Nồng độ Dự báo không gây hại |

CD4% easy count kit (CD4 mAb PE)

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo Thông tư Số No. 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Hóa Chất.

| | |
|------------------------------------|---|
| | REACH - Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006 |
| | RID - Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt |
| | SDS - Phiếu An toàn Hóa chất |
| | STP - Trạm xử lý nước thải |
| | TLM - Dung sai giới hạn trung bình |
| | vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều |
| Phân ban thực hiện phiếu kỹ thuật: | : KFT Chemieservice GmbH Im Leuschnerpark 3 D-64347 Griesheim |
| | Phone: +49 6155-8981-400 |
| | Fax: +49 6155 8981-500 |
| | SDS Service: +49 6155 8981-522 |
| Liên hệ | : Sonja Lenter |
| Các thông tin khác | : Bảng dữ liệu an toàn là không bắt buộc đối với sản phẩm này. Bảng Thông tin An toàn Sản phẩm được biên soạn trên cơ sở tự nguyện. |

KFT SDS VN 01 - Version 23.2

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.